

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH**Quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Dầu khí ngày 18 tháng 12 năm 2013;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,**Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí, bao gồm: Tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ, khai thác dầu khí, thu dọn mỏ, tàng trữ, vận chuyển dầu khí, lọc dầu, hóa dầu, chế biến dầu khí kể cả các dịch vụ kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho các hoạt động này được tiến hành trên đất liền, vùng biển thuộc chủ quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến các hoạt động dầu khí được tiến hành trên đất liền, vùng biển thuộc chủ quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công tác an toàn là việc tiến hành các biện pháp về tổ chức và kỹ thuật nhằm ngăn ngừa sự cố, tai nạn để bảo vệ người, môi trường và tài sản.

2. Công trình dầu khí bao gồm các phương tiện nổi, tổ hợp các thiết bị, các kết cấu công trình được xây dựng, trang bị và lắp đặt cố định, tạm thời trên đất liền, vùng biển để phục vụ các hoạt động dầu khí.

3. Cơ quan quản lý có thẩm quyền là Bộ Công Thương, các Bộ và cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan khác theo quy định của pháp luật hoặc theo ủy quyền của Chính phủ.

4. Tổ chức, cá nhân là người điều hành, nhà thầu, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài điều hành các hoạt động dầu khí.

5. Sự cố là các sự kiện xảy ra không cố ý, gây ra tai nạn hoặc có khả năng gây ra tai nạn.

6. Tai nạn là sự cố gây hậu quả chết người, mất tích, bị thương, gây thiệt hại tài sản hoặc môi trường; làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất tại công trình dầu khí.

7. Rủi ro là sự kết hợp của khả năng xảy ra (tần suất) sự cố, tai nạn và hậu quả của chúng.

8. Đánh giá rủi ro là việc đánh giá các rủi ro tiềm tàng trên cơ sở các mức rủi ro được chấp nhận, đồng thời thiết lập các biện pháp giảm thiểu rủi ro đến mức hợp lý có thể thực hiện được.

9. Phân tích rủi ro là việc xác định và phân loại một cách có hệ thống các rủi ro đối với người, môi trường và tài sản.

10. Hoán cải công trình là việc thay đổi tính năng, kết cấu, công dụng của công trình.

Điều 3. Quy định chung về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí

1. Tổ chức, cá nhân phải đảm bảo tất cả các hoạt động dầu khí được thực hiện một cách an toàn theo các quy định tại Quyết định này và của pháp luật liên quan, kể cả trong trường hợp tổ chức, cá nhân thuê các nhà thầu thực hiện công việc của mình.

2. Người lao động phải tuân thủ các quy định, quy trình để đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và bảo vệ môi trường.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN

Điều 4. Tài liệu về quản lý an toàn

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xây dựng các tài liệu về quản lý an toàn sau:

- a) Chương trình quản lý an toàn;
- b) Báo cáo đánh giá rủi ro;
- c) Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.

2. Chương trình quản lý an toàn gồm các nội dung chính sau:

- a) Chính sách và các mục tiêu về an toàn;
- b) Tổ chức công tác an toàn, phân công trách nhiệm về công tác an toàn;
- c) Chương trình huấn luyện an toàn; yêu cầu về năng lực, trình độ và kinh nghiệm của người lao động;
- d) Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật, Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia, Tiêu chuẩn Quốc gia, quy định an toàn, các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc các tiêu chuẩn khác phù hợp với thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế được chấp nhận chung;
- đ) Đánh giá sự tuân thủ pháp luật bao gồm các yêu cầu phải thực hiện theo quy định (các giấy phép, giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường...);

e) Quản lý an toàn các nhà thầu.

3. Báo cáo đánh giá rủi ro gồm các nội dung chính sau:

- a) Xác định mục đích và các mục tiêu đánh giá rủi ro;
- b) Mô tả các hoạt động, các công trình;
- c) Xác định, phân tích, đánh giá rủi ro định tính và định lượng;
- d) Các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

4. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phải dựa trên kết quả báo cáo đánh giá rủi ro, gồm các nội dung chính sau:

- a) Mô tả và phân loại các tình huống khẩn cấp có thể xảy ra;
- b) Sơ đồ tổ chức, phân cấp trách nhiệm, trách nhiệm của từng cá nhân, hệ thống báo cáo khi xảy ra sự cố, tai nạn hoặc xuất hiện các tình huống nguy hiểm;
- c) Quy trình ứng cứu các tình huống;
- d) Mô tả các nguồn lực bên trong và bên ngoài sẵn có hoặc sẽ huy động để ứng cứu hiệu quả các tình huống khẩn cấp;
- đ) Địa chỉ liên lạc và thông tin trong ứng cứu khẩn cấp với các bộ phận nội bộ và báo cáo các cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan;
- e) Kế hoạch huấn luyện và diễn tập ứng cứu khẩn cấp;
- g) Kế hoạch khôi phục hoạt động của công trình bao gồm công tác điều tra, đánh giá nguyên nhân, hậu quả để tái lập và nâng cao mức an toàn của công trình.

Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phải phù hợp với hệ thống ứng cứu khẩn cấp của Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, địa phương và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (đối với các đơn vị thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các liên doanh dầu khí và các nhà thầu dầu khí).

Các tổ chức, cá nhân hoạt động dầu khí có thể hợp tác để xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp chung.

5. Những tài liệu được quy định tại Khoản 1 Điều này phải được xây dựng, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét và trình Bộ Công Thương chấp thuận trước khi tiến hành các hoạt động dầu khí, xây dựng mới, hoàn cải, thu dọn công trình dầu khí khi kết thúc khai thác hoặc kết thúc dự án.

Đối với những hoạt động dầu khí do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đơn vị thuộc Tập đoàn và các nhà thầu dầu khí (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là một bên ký hợp đồng dầu khí) phải chuẩn bị tài liệu gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét trước khi trình Bộ Công Thương chấp thuận.

Đối với tổ chức, cá nhân khác có hoạt động dầu khí, chuẩn bị tài liệu trực tiếp trình Bộ Công Thương chấp thuận.

6. Chấp thuận các tài liệu về quản lý an toàn

a) Yêu cầu về hồ sơ

- Văn bản đề nghị chấp thuận do thủ trưởng đơn vị ký (theo Mẫu số 01 của Phụ lục kèm theo Quyết định này);

- 03 (ba) bộ tài liệu về quản lý an toàn theo quy định tại Khoản 1 Điều này (bằng tiếng Việt) do thủ trưởng đơn vị ký;

- Hồ sơ được gửi trực tiếp đến Bộ Công Thương hoặc qua bưu điện.

b) Hội đồng thẩm định

Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng thẩm định các tài liệu về quản lý an toàn. Số lượng thành viên của Hội đồng phụ thuộc vào đặc điểm, tính chất và quy mô của các hoạt động dầu khí, nhưng tối thiểu phải có 07 người.

c) Trình tự thẩm định

- Hội đồng thẩm định tổ chức xem xét sự phù hợp, tính chính xác của nội dung trong các tài liệu. Trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể xem xét thực tế tại công trình;

- Lập biên bản họp thẩm định (theo Mẫu số 02 của Phụ lục kèm theo Quyết định này);

- Căn cứ biên bản họp thẩm định, Bộ Công Thương có thể gửi công văn đến tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận yêu cầu hiệu chỉnh, bổ sung để làm rõ các nội dung trong tài liệu (theo Mẫu số 03 của Phụ lục kèm theo Quyết định này). Trong công văn đề nghị nêu rõ các nội dung cần hiệu chỉnh, bổ sung;

- Lập Báo cáo kết quả thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định chấp thuận (theo Mẫu số 04 của Phụ lục đính kèm theo Quyết định này);

- Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định chấp thuận các tài liệu (theo Mẫu số 05 của Phụ lục kèm theo Quyết định này).

d) Thời gian thẩm định

- Thời gian thẩm định: 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương nhận được đủ tài liệu hợp lệ;

- Thời gian ban hành Quyết định chấp thuận: 05 (năm) ngày làm việc sau khi có báo cáo kết quả thẩm định.

Điều 5. Hệ thống quản lý an toàn

1. Tổ chức, cá nhân phải xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống quản lý an toàn đảm bảo mọi hoạt động dầu khí đều được lập kế hoạch, tổ chức, triển khai, duy trì theo các yêu cầu tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hệ thống quản lý an toàn phải đảm bảo kiểm soát các rủi ro trong toàn bộ quá trình hoạt động từ khâu thiết kế, chế tạo, xây dựng, lắp đặt, chạy thử, vận hành và thu dọn công trình.

3. Hệ thống quản lý an toàn phải được cập nhật thường xuyên; các thông tin cập nhật phải được phổ biến cho người lao động có liên quan.

4. Nội dung chính của hệ thống quản lý an toàn, gồm:

a) Chính sách, mục tiêu về an toàn, môi trường lao động và chương trình, kế hoạch thực hiện các mục tiêu đó;

b) Danh mục cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

c) Các yêu cầu cụ thể nhằm thực hiện các quy định pháp luật về an toàn và môi trường lao động, gồm:

- Các quy trình vận hành, xử lý sự cố và bảo trì công trình, máy, thiết bị;

- Các quy định an toàn; biển báo an toàn cho dây chuyền, máy, thiết bị, vật tư, hóa chất, các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; quản lý lưu giữ tài liệu và báo cáo;

- Quản lý, kiểm tra, kiểm định, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho công trình, máy, thiết bị, hóa chất nguy hiểm theo quy định;

- Huấn luyện về an toàn;

- Yêu cầu về kỹ năng chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với vị trí công việc;

- Đánh giá kết quả thực hiện chương trình quản lý an toàn và các giải pháp hoàn thiện, nâng cao chất lượng quản lý an toàn.

d) Hệ thống tổ chức công tác an toàn: Phân cấp trách nhiệm, thực hiện nhiệm vụ, các kênh báo cáo;